

## PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2310/21

**Đơn vị gửi mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI  
**Địa chỉ** : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Trạm cấp nước Kiều Kỵ cuối mạng cấp  
**Tình trạng mẫu** : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Ngày nhận mẫu** : 24/10/2023  
**Ngày phân tích** : 27/10/2023 đến 03/11/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH	-	7,0	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,22	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-Cl-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8. (*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

**Ghi chú:** - KPH: Không phát hiện

- Dấu "-": Không quy định

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

QA/QC



Phạm Thị Trà

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

## PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2310/20

**Đơn vị gửi mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI  
**Địa chỉ** : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Trạm cấp nước Kiêu Kỳ đầu mạng cấp  
**Tình trạng mẫu** : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Ngày nhận mẫu** : 24/10/2023  
**Ngày phân tích** : 27/10/2023 đến 03/11/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH	-	7,05	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,22	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-Cl-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8. (*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

**Ghi chú:** - KPH: Không phát hiện

- Dấu "-": Không quy định

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

QA/QC



Phạm Thị Trà

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyên gia Công nghệ
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả.
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

## PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2310/19

**Đơn vị gửi mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI  
**Địa chỉ** : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Trạm cấp nước Kiều Ky  
**Tình trạng mẫu** : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Ngày nhận mẫu** : 24/10/2023  
**Ngày phân tích** : 27/10/2023 đến 03/11/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH	-	7,11	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,22	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-Cl-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8. (*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

**Ghi chú:** - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định  
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

QA/QC



Phạm Thị Trà

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyên gia Công nghệ
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ